

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2015/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định về phòng, chống doping trong hoạt động thể thao***Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;**Căn cứ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;**Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;**Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao,**Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về phòng, chống doping trong hoạt động thể thao.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về phòng, chống doping trong hoạt động thể thao, bao gồm:

- a) Tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống doping;
- b) Kiểm tra doping;
- c) Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại về doping;
- d) Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong phòng, chống doping.

2. Việc kiểm tra doping tại các giải thể thao quốc tế, đại hội thể thao quốc tế được thực hiện theo quy định của Ban tổ chức giải, Ban tổ chức Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thể thao, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thể thao tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia hoạt động thể thao tại nước ngoài.

Điều 3. Nguyên tắc phòng, chống doping trong hoạt động thể thao

1. Hoạt động phòng, chống doping được tổ chức thường xuyên; chú trọng biện pháp thông tin, giáo dục, truyền thông để nâng cao nhận thức về tác hại của việc sử dụng doping.

2. Thực hiện việc phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, các tổ chức thể thao quốc tế trong phòng, chống doping.

3. Đảm bảo tuân thủ các quy định của Tổ chức phòng, chống doping thế giới và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến phòng, chống doping trong hoạt động thể thao.

4. Đảm bảo vận động viên được tập luyện và thi đấu trong môi trường không doping và được thông tin đầy đủ về tác hại của doping.

Điều 4. Hành vi vi phạm Bộ luật phòng, chống doping thể giới

1. Có chất bị cấm hoặc các chất chuyển hóa hoặc các dấu vết của chất bị cấm trong mẫu xét nghiệm của vận động viên.

2. Sử dụng chất bị cấm hoặc phương pháp bị cấm.

3. Lảng tránh, từ chối hoặc bỏ lỡ việc lấy mẫu thử mà không phải vì lý do bất khả kháng sau khi có thông báo.

4. Vi phạm các yêu cầu liên quan đến sự có mặt của vận động viên để kiểm tra doping ngoài thi đấu.

5. Làm sai lệch hoặc gây cản trở đối với bất kỳ công đoạn nào của việc kiểm tra doping.

6. Sở hữu chất bị cấm và phương pháp bị cấm.

7. Buôn bán chất bị cấm hoặc phương pháp bị cấm.

8. Cho vận động viên uống, sử dụng chất bị cấm hoặc phương pháp bị cấm trong thi đấu hoặc ngoài thi đấu; hỗ trợ, khuyến khích, giúp sức, sai khiến, bao che hoặc dấn lúi đến bất kỳ hành vi đồng lõa nào khác vi phạm quy định về phòng, chống doping;

9. Đồng lõa, bao che cho một hoặc nhiều hành vi quy định từ Khoản 1 đến khoản 8 Điều này.

10. Vận động viên có liên hệ về chuyên môn thể dục thể thao với huấn luyện viên, người hướng dẫn, bác sĩ hoặc bất kỳ ai đang trong thời gian bị kỉ luật do vi phạm quy định về phòng, chống doping.

Chương II**TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC VỀ PHÒNG, CHỐNG DOPING TRONG HOẠT ĐỘNG THỂ THAO****Điều 5. Mục tiêu tuyên truyền, giáo dục**

1. Vì một nền thể thao lành mạnh, công bằng, không doping.

2. Bảo vệ quyền và nghĩa vụ của vận động viên.
3. Thực hiện giám sát, kiểm tra, ngăn chặn việc vận động viên sử dụng doping trong thể thao.

Điều 6. Nội dung tuyên truyền, giáo dục

Việc tuyên truyền, giáo dục nhằm cung cấp cho vận động viên, các tổ chức và cá nhân liên quan những thông tin chính xác về những nội dung sau:

1. Bộ luật phòng, chống doping thể giới; các quy định về phòng, chống doping tại Việt Nam.
2. Các chất bị cấm hoặc phương pháp bị cấm được đưa vào Danh mục cấm hàng năm do Tổ chức phòng, chống doping thể giới ban hành.
3. Các trường hợp vi phạm pháp luật về phòng, chống doping.
4. Hậu quả của việc sử dụng doping gồm các mức hình phạt, tổn hại về sức khỏe và xã hội.
5. Các quy định về thủ tục tiến hành kiểm tra doping.
6. Quyền và trách nhiệm của vận động viên, huấn luyện viên, cán bộ y tế.
7. Các trường hợp được miễn trừ do điều trị.
8. Kiểm soát nguy cơ khi sử dụng các chất bổ sung dinh dưỡng.
9. Tác hại của doping đối với tinh thần thể thao.

Chương III KIỂM TRA DOPING

Điều 7. Thẩm quyền yêu cầu vận động viên kiểm tra doping

1. Tổng cục Thể dục thể thao yêu cầu kiểm tra doping đối với mọi vận động viên.
2. Ban tổ chức giải thi đấu thể thao yêu cầu kiểm tra doping đối với vận động viên tham gia giải đấu.
3. Ủy ban Olympic Việt Nam, Hiệp hội Paralympic Việt Nam, Liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, đơn vị sử dụng vận động viên yêu cầu kiểm tra doping vận động viên thuộc quyền quản lý.

Điều 8. Lấy mẫu xét nghiệm doping

1. Trung tâm Doping và Y học thể thao có trách nhiệm sau:
 - a) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện lấy mẫu xét nghiệm doping;
 - b) Việc lấy mẫu, bảo quản mẫu và xét nghiệm được thực hiện theo quy trình kỹ thuật của Tổ chức phòng, chống doping thể giới.
2. Người được cơ quan có thẩm quyền giao trách nhiệm lấy mẫu xét nghiệm doping phải có chứng nhận đạt yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật lấy mẫu xét nghiệm doping do Tổ chức phòng, chống doping thể giới hoặc Trung tâm Doping và Y học thể thao cấp.

Điều 9. Xử lý kết quả xét nghiệm doping

1. Trung tâm Doping và Y học thể thao lưu giữ và quản lý thông tin về kết quả xét nghiệm doping theo các tiêu chuẩn kỹ thuật của Tổ chức phòng, chống doping thế giới.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xét nghiệm doping, Trung tâm Doping và Y học thể thao thông báo bằng văn bản kết quả xét nghiệm đến:

- a) Tổng cục Thể dục thể thao;
- b) Cơ quan, tổ chức yêu cầu kiểm tra doping, vận động viên, đơn vị quản lý vận động viên và liên đoàn thể thao quốc gia quản lý vận động viên đó.

Điều 10. Miễn trừ do điều trị cho vận động viên

1. Vận động viên có hồ sơ bệnh án đang cần phải sử dụng một chất bị cấm hoặc phương pháp bị cấm được xin hưởng Miễn trừ do điều trị theo Tiêu chuẩn quốc tế về miễn trừ do điều trị.

2. Việc sử dụng chất bị cấm hoặc phương pháp bị cấm phù hợp với các quy định của điều khoản Miễn trừ do điều trị sẽ không bị coi là hành vi vi phạm doping.

Điều 11. Hội đồng miễn trừ do điều trị

1. Giám đốc Trung tâm Doping và Y học thể thao hoặc Trưởng ban tổ chức giải thành lập Hội đồng miễn trừ do điều trị để xem xét tính hợp lý trong điều trị bệnh theo hồ sơ xin miễn trừ do điều trị của vận động viên.

2. Hội đồng miễn trừ do điều trị có từ 05 đến 07 thành viên, gồm các chuyên gia y tế, làm việc theo nguyên tắc dân chủ, biểu quyết theo đa số và phù hợp với quy định của Bộ luật phòng, chống doping thế giới.

Hội đồng miễn trừ do điều trị chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ xin miễn trừ do điều trị, Trung tâm Doping và Y học thể thao quyết định cho phép hoặc không cho phép miễn trừ do điều trị.

Trong thời hạn tối đa 3 ngày làm việc kể, từ ngày nhận được hồ sơ xin miễn trừ do điều trị trong giải thi đấu, Ban tổ chức giải quyết định cho phép hoặc không cho phép miễn trừ do điều trị. Quyết định miễn trừ do điều trị do Trưởng ban tổ chức giải ban hành chỉ có giá trị trong giải đấu.

Chương IV**XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ DOPING****Điều 12. Hội đồng đánh giá mức độ vi phạm doping**

1. Căn cứ vào kết quả xét nghiệm doping, Giám đốc Trung tâm Doping và Y học thể thao quyết định thành lập Hội đồng đánh giá mức độ vi phạm doping.